

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 24-01-2022.

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long - tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 53/2021/TLST-DS, ngày 30/3/2021, về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Tấn Tr, sinh năm 1950; địa chỉ: đường T, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Minh C, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên lạc: khóm T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

2. Bà Trương Thị Vân T, sinh năm 1979; địa chỉ: khóm T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2021 của ông Phan Tấn Tr và các lời trình bày tiếp theo của ông Tr trình bày:

Ngày 20/6/2017 ông Tr có cho vợ chồng ông C và bà T vay số tiền 200.000.000đ, thời gian vay 05 tháng (từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/11/2017), thỏa thuận miệng lãi suất vay 2%/tháng. Hai bên lập Hợp đồng vay có công chứng số 2045 ngày 20/6/2017 do Văn phòng Công chứng Châu Thành công chứng.

Sau khi vay ông C và bà T có đóng tiền lãi cho ông Trung được vài tháng nhưng ông Tr không nhớ đã đóng được mấy tháng và ông đã nhận bao nhiêu tiền lãi của ông C và bà T. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng vay thì ông C và bà T không trả nợ cho ông Tr, đến tháng 02/2019 thì ông C và bà T có trả cho ông Tr 76.000.000 đồng tiền vốn vay, sau đó ngưng đến nay chưa thanh toán 124.000.000 đồng còn lại. Ông Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà T phải trả số tiền vay còn nợ là 124.000.000đ và tính lãi suất tiền vay từ tháng 03/2019 đến ngày 22/02/2021 là 23 tháng với mức lãi suất 1%/tháng: $124.000.000đ \times 1\% \times 23 \text{ tháng} = 28.500.000đ$. Tổng cộng ông Tr yêu cầu ông C và bà T trả vốn và lãi là 152.520.000đ.

Tại Tòa, ông Tr trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông C và bà T phải trả số vốn vay theo hợp đồng vay ngày 20/6/2017 còn nợ là 124.000.000đ. Ông Tr thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất số tiền vay trên.

Bị đơn ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông C và bà T cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn Phan Tấn Tr và bị đơn ông Lê Minh C, bà Trương Thị Vân T được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Hợp đồng vay ngày 20/6/2017 thì ông Lê Minh C cư trú tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và bà Thư cư trú tại khóm T, phường H, thành phố V, ông Tr lựa chọn Tòa án nơi một trong hai bị đơn cư trú để khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 26, 35, 39 và 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông C và bà T cũng không có văn bản nêu ý kiến và không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu và chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để giải quyết theo thủ tục chung, ông C và bà T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 96 và 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, Hợp đồng vay ngày 20/6/2017 được công chứng số 2045, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Châu Thành thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Hợp đồng vay ngày 20/6/2017 thể hiện ông C và bà T có vay của ông Trung số tiền 200.000.000đ, thời gian vay 05 tháng. Theo ông Tr thừa nhận tuy hợp đồng không ghi lãi suất vay nhưng ông C và bà T có trả tiền lãi cho ông Tr vài lần nhưng do thời gian lâu ông không nhớ rõ ông C và bà T đã đóng bao nhiêu tiền lãi. Về phía ông C và bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì đối với việc trả tiền lãi vay nên Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi ông C và bà T đã đóng cho ông Tr.

Theo ông Tr khai, khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng ông C và bà T chỉ trả cho ông Tr 76.000.000đ tiền vốn vay và còn lại 124.000.000đ thì nợ đến nay vẫn chưa trả cho ông. Xét theo thỏa thuận tại hợp đồng ngày 20/6/2017, ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Tr khởi kiện đòi ông C và bà T trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 351 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Buộc ông C và bà T phải trả khoản tiền vốn vay còn nợ ông Tr là 124.000.000đ.

Xét nghĩa vụ trả nợ vay: Ông C và bà T là người ký xác lập khoản vay theo hợp đồng vay ngày 20/6/2017 nên ông C và bà T cùng có trách nhiệm phải trả khoản tiền vay cho ông Tr theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Xét theo đơn kiện ông Tr có yêu cầu tính lãi suất vay của khoản tiền vốn còn nợ là 124.000.000đ. Tại phiên tòa, ông Tr thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông Tr không yêu cầu tính lãi vay của số tiền trên, việc thay đổi yêu cầu này của ông Tr là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Phan Tấn Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 40 và 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tấn Tr. Buộc ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T phải hoàn trả cho ông Tr số tiền vốn vay 124.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Minh C và bà Trương Thị Vân T phải chịu 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung